

BẢN VỀ CẢI TIẾN CƠ CẤU CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

PGS,TS. Ngô Doãn Vịnh
Viện Chiến lược phát triển

Hiện nay người ta bàn nhiều về cải tiến cơ cấu của nền kinh tế nước ta (từ đây gọi tắt là CCKT). Khi bàn về vấn đề này có hàng loạt câu hỏi đặt ra: quan niệm cải tiến là thế nào? nếu cải tiến thì cải tiến cái gì? phương cách cải tiến ra sao? việc cải tiến bắt đầu từ đâu và biện pháp đảm bảo cải tiến CCKT thành công là gì? Cải tiến CCKT diễn ra và hoàn thành trong bao lâu?

Quan niệm về cải tiến CCKT

Cải tiến cơ cấu của hệ thống kinh tế là một quá trình. Cuộc cải tiến nào cũng có bắt đầu và có kết thúc. Hiện nay đang có hai ý kiến: ý kiến thứ nhất cho rằng, cần sử dụng cụm từ “tái cơ cấu nền kinh tế” để biểu đạt việc cải tiến CCKT, nhưng ý kiến thứ hai lại cho rằng nên sử dụng cụm từ “điều chỉnh CCKT” để chỉ việc này. Chúng tôi thấy vấn đề quan trọng là làm thế nào để CCKT đem lại chất lượng cao hơn. Vì thế, dù sử dụng cụm từ nào thì điều quan trọng mà hai ý kiến muốn nói tới chắc phải là làm thế nào để CCKT phát huy được lợi thế so sánh của đất nước, có khả năng cạnh tranh cao, đem lại hiệu quả lớn và đảm bảo yêu cầu bền vững cho toàn bộ quá trình phát triển. Theo trào lưu, nhiều người đã nói theo cách mà các học giả quốc tế thường bàn luận là “tái cơ cấu nền kinh tế”. Một số người khác chú trọng cái nghĩa của từ ngữ tiếng Việt và để dễ đi vào thực tế cuộc sống lại sử dụng cụm từ “điều chỉnh CCKT”. Hai trường hợp sử dụng cụm từ “Tái cơ cấu” hoặc “Điều chỉnh cơ cấu” đều chưa rõ ý đồ tối thượng là làm cho CCKT hiện đại hơn, tiến bộ hơn.

Cải tiến CCKT được hiểu là cải tiến việc làm cho người lao động, cải tiến cơ cấu ngành nghề cũng như cải tiến cơ cấu DN theo hướng từ khu vực có năng suất lao động thấp sang khu vực có năng suất lao động cao hơn với phương châm hiện đại hoá ngày càng cao, đạt hiệu suất phát triển ngày càng lớn. Đó là tư tưởng có tính nguyên tắc đối với việc cải tiến CCKT của bất kể quốc gia nào trong điều kiện toàn cầu hoá mạnh mẽ và xu thế phát triển nền kinh tế tri thức đang thịnh hành. Việc cải tiến CCKT tác động trực tiếp đến con người; tiềm ẩn nguy cơ gây ra tình trạng mất ổn định, suy sụp đối với nhiều DN và xuất hiện sự chán nản của người dân nếu như việc cải tiến mắc sai lầm. Vì thế, khi tiến hành cải tiến CCKT phải đặt ngay câu hỏi xem tác động tiêu cực của việc cải tiến ấy là gì hay cái giá phải trả cho việc cải tiến ấy lớn đến mức nào. Trong thế giới ngày nay việc cải tiến CCKT của một quốc gia phải tính tới quan hệ kinh tế quốc tế.

Chủ thể chủ yếu và trực tiếp của việc cải tiến CCKT là NN và DN. Muốn cải tiến thành công CCKT của quốc gia thì NN và DN phải có sự chuẩn bị chu đáo chứ không chỉ là vấn đề Chính phủ giao cho một lực lượng tư vấn nào đó nghiên cứu đề xuất một cái gọi là đề án cải tiến CCKT là xong. Việc có đề án cải tiến CCKT có chất lượng là quan trọng nhưng nếu chỉ đưa ra đề án mà không chuẩn bị lực lượng thực thi đề án thì cũng giống như hô hào hoặc nói mà không làm. Cần có những chuyên gia giỏi về CCKT cũng như giỏi về kinh tế vĩ mô, vì mô để hoạch định chính sách nhưng cũng cần có những nhà điều hành tài ba để xoay chuyển tình thế.

Nền kinh tế Việt Nam - nên cải tiến thế nào

Nền kinh tế là một hệ thống kinh tế phức tạp mang tính xã hội sâu sắc. Đã là một hệ thống thì nó gồm rất nhiều phân hệ hay tiểu hệ thống. Vậy thì khi tác động vào một phân hệ hay tiểu hệ thống chắc chắn sẽ có ảnh hưởng tới nhiều phân hệ hay tiểu hệ thống khác. Nói như thế có nghĩa là việc cải tiến đối với bất kể phân hệ nào cũng sẽ gây ra tác động tới các phân hệ khác. Điều chỉnh cấu trúc

của hệ thống kinh tế phải tuân thủ nguyên tắc hệ thống, cân đối hài hoà trong mối tương quan “lượng đổi dẫn đến chất đổi” và rồi khi chất đã đổi tất làm cho lượng đổi lớn hơn.

CCKT của Việt Nam đang ở tình trạng nào trong hệ thống kinh tế thế giới

CCKT của nước ta chưa hiện đại, còn nhiều bất hợp lý, đang có hiệu quả, hiệu suất cũng như chất lượng thấp nhưng nguyên nhân tại đâu thì chưa có được sự nhìn nhận và đánh giá thống nhất ở mức cao. Trong thời gian vừa qua các chuyên gia kinh tế thường nói rằng, nền kinh tế Việt Nam có biểu hiện rõ về công nghiệp hoá nhưng biểu hiện chưa rõ về hiện đại hoá. Tức là tỷ trọng các ngành công nghiệp, phi nông nghiệp trong nền kinh tế tăng lên liên tục nhưng tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và trí tuệ lớn đang còn ít; các ngành, lĩnh vực có công nghệ cao chiếm tỷ trọng thấp trong nền kinh tế quốc dân. Các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng lớn và có nhiều giá trị quốc gia như tư vấn, thiết kế, phát minh, sáng chế, tài chính, phân phối... đều chưa phát triển hoặc chỉ mới xuất hiện rất ít. Nền kinh tế nước ta còn thiếu những ngành, lĩnh vực có khả năng huy động các nguồn lực khác ngoài lao động vào quá trình sản xuất cũng như còn thiếu những ngành có sức lan toả hoặc có sức lôi kéo cũng như thiếu những ngành tạo tiền đề để phát triển công nghiệp hỗ trợ...

Nhiều ý kiến cho rằng, trong CCKT của nước ta chưa có những sản phẩm chủ lực cũng như chưa có nhiều sản phẩm chính công nghệ và trí tuệ của người lao động Việt Nam làm ra. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là chúng ta chưa có những cơ sở nghiên cứu và triển khai đủ mạnh để có được những phát minh, sáng chế tạo nền tảng cho phát triển. Đồng thời, Việt Nam chưa có DN mang tầm toàn cầu. Hầu hết các ngành sản xuất, các DN chưa tham gia được các chuỗi giá trị toàn cầu và mạng phân phối toàn cầu (cũng đồng nghĩa với việc chúng ta chưa thực sự tham gia các cuộc chơi lớn của thế giới) và do đó thường chúng ta bị thiệt thòi trong việc tham gia phân công lao động quốc tế; các DN nhìn chung đều phụ thuộc vào bên ngoài (hoặc về công nghệ, vật liệu hoặc về thị trường tiêu thụ).

Việc cải tiến CCKT phải căn cứ vào lợi thế so sánh của đất nước và các điều kiện phát triển mà Việt Nam có được trong bối cảnh hợp tác và cạnh tranh song hành trên phạm vi toàn cầu.

Việt Nam có lợi thế so sánh chủ yếu gì và đối với việc cải tiến CCKT của nước nhà chúng ta có khả năng chủ động đến đâu là những vấn đề lớn cần làm rõ

Trên cơ sở kết quả phân tích theo mô hình SWOT cho biết Việt Nam có chế độ chính trị ổn định, có lợi thế về vị trí địa kinh tế chính trị, có nhân lực dồi dào mà muốn nâng cao chất lượng không khó lắm, có điều kiện để phát triển nền nông nghiệp, lâm nghiệp sinh thái nhiệt đới, có điều kiện để phát triển sân bay quốc tế và cảng biển quốc tế tầm cỡ nếu đầu tư xây dựng, đang hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng phát triển với tốc độ và trình độ cao hơn, tiềm lực kinh tế tương đối khá... Cái khó đối với Việt Nam là năng lực quản trị quốc gia và quản trị DN còn nhiều hạn chế (nếu không muốn nói là thấp), chất lượng nhân lực (cả thể lực và trí lực) so với các nước có công nghiệp phát triển cũng đang còn thấp... cũng như quá nhiều DN phụ thuộc công nghệ, nguyên liệu, thị trường bên ngoài và bị động trong các cuộc chơi lớn của thế giới. Thế giới bước sang giai đoạn phát triển mới và tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh hơn, với trình độ cao hơn nhưng nhìn chung sẽ mất cân đối nghiêm trọng giữa tiêu dùng lớn với sản xuất có hạn, giữa nhu cầu phát triển cao và tài nguyên hạn chế. Lối sống gấp và sự tranh chấp gay gắt tài nguyên, lợi ích kinh tế sẽ diễn ra mạnh mẽ cùng với biến đổi khí hậu toàn cầu, dịch bệnh toàn cầu, mất an ninh toàn cầu gây nhiều bất lợi cho quá trình phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có nền kinh tế Việt Nam.

Hiện trạng Việt Nam chưa có những cơ sở hoặc những Trung tâm sáng tạo (hoặc trung tâm nghiên cứu và triển khai để phát minh, sáng chế và đưa phát minh, sáng chế vào sản xuất kinh doanh) để phát minh sáng chế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước. Cho đến nay Việt Nam cũng đã hình thành được mạng lưới các cơ sở nghiên cứu khoa học và nhiều cơ sở công

ngiệp, dịch vụ có công nghệ tương đối khá; đồng thời, hệ thống giao thông, cung cấp điện, nước, kết cấu hạ tầng thông tin... cũng đã được hình thành; bộ phận tương đối khá lao động đã qua đào tạo (tuy với chất lượng chưa cao). Đó là những cơ sở ban đầu để phát triển trong nước và giao thương quốc tế. Tuy vậy, nhìn chung điều kiện nền tảng để phát triển của nước ta còn chưa được đảm bảo. Nhân lực chất lượng thấp, kết cấu hạ tầng cứng và kết cấu hạ tầng mềm đều chưa đủ sức đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và ở trình độ cao, nền kinh tế dễ bị tổn thương bởi những biến động bất lợi từ bên ngoài.

Trước tình hình đó việc cải tiến cơ cấu nên như thế nào: bỏ cái nào và cái nào để, cái nào cần điều chỉnh, cái nào cần làm mới? rồi cải tiến lĩnh vực gì? và bắt đầu từ đâu? Đó là những vấn đề rất cơ bản. Theo xu thế chung của các nước đã có trình độ phát triển cao thì Việt Nam cần phát triển nhanh các ngành thuộc nhóm đầu và tham gia phân phối, lựa chọn những ngành, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ có lợi thế và có nhu cầu. Nước ta phải có chính sách và biện pháp thoả đáng để các lĩnh vực tư vấn, thiết kế, thông tin, phát minh, sáng chế và một số khâu trong lĩnh vực phân phối có được sự phát triển nhanh cũng như để sản xuất nông, lâm, thủy sản hàng hoá có sự đổi mới mạnh mẽ. Việc cải tiến CCKT của nước ta không nên làm tràn lan, đồng loạt mà cần có sự lựa chọn với những bước đi thích hợp. Việt Nam nên ưu tiên cho việc cải tiến CCKT dịch vụ, nông, lâm nghiệp và thủy sản một cách toàn diện và ưu tiên phát triển một số lĩnh vực công nghiệp mà Việt Nam có lợi thế như sản xuất điện, phần mềm, luyện thép cao cấp và cơ khí chế tạo, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, sản xuất vật liệu, sản xuất dược phẩm, chế biến nông lâm thủy sản. Nhiều ý kiến cho rằng Việt Nam nên ưu tiên hơn cho phát triển nông sản hàng hoá khối lượng lớn, chất lượng cao vì thế giới ngày càng cần nhiều nông lâm thủy sản mà Việt Nam có lợi thế và có khả năng sản xuất. Đối với lĩnh vực công nghiệp một khi chúng ta phải nhập khẩu công nghệ, vật liệu và phụ thuộc vào thương hiệu của nước ngoài thì DN của nước ta khó có khả năng cạnh tranh được với thế giới, do đó phải chọn lựa lĩnh vực mà ta có thể cạnh tranh để phát triển. Trong lĩnh vực dịch vụ nên ưu tiên phát triển tài chính, du lịch, vận tải quốc tế, tạo điều kiện để một số cơ sở giáo dục bậc đại học cũng như một số cơ sở chữa bệnh đạt đẳng cấp quốc tế để vừa đào tạo, chữa bệnh cho người Việt Nam vừa có thể đào tạo, chữa bệnh cho người nước ngoài. Trong lĩnh vực nông lâm thủy sản nên ưu tiên phát triển trồng lúa gạo, cà phê, cao su, chè, điều, cây ăn trái; chăn nuôi lợn, cá, gà vịt... trồng rừng gắn với chế biến gỗ, giấy chất lượng cao; nuôi trồng thủy hải sản gắn với chế biến công nghệ hiện đại. Việc cải tiến CCKT theo hướng như vậy chính là để các ngành dịch vụ, các ngành sản xuất sản phẩm công nghệ cao cũng như những sản phẩm có giá trị quốc gia lớn chiếm tỷ trọng cao hơn (khoảng 50%) trong GDP; riêng các lĩnh vực tư vấn, thiết kế, thông tin, đào tạo, chữa bệnh chất lượng cao chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong CCKT (khoảng trên 10% GDP).

Điều kiện tiên quyết để cải tiến thành công CCKT là gì

NN và DN là hai chủ thể quan trọng nhất đối với việc cải tiến CCKT. Chất lượng và sự sẵn sàng của hai chủ thể này có ý nghĩa quyết định đối với sự thành bại của công cuộc cải tiến CCKT. Phải có NN hoạt động có hiệu lực, hiệu quả trong cả việc định hướng và điều hành phát triển cũng như trong việc ban hành cơ chế chính sách và cả trong việc lãnh đạo phát triển nhân lực và xây dựng kết cấu hạ tầng. Việc chuẩn bị các điều kiện phải là khâu trước tiên và khẩn trương triển khai. Đồng thời, phải có đội ngũ DN làm ăn giỏi giang và có tầm toàn cầu.

Khi nói đến NN hoạt động có hiệu lực, hiệu quả chúng tôi muốn nói tới một NN mạnh, có uy tín cao với nhân dân. NN ấy không những có bộ máy hiệu quả mà còn phải có đội ngũ công chức, viên chức có năng lực làm việc cao với tinh thần trách nhiệm lớn mà điều này chỉ có được khi nguồn nhân lực có chất lượng cao như chúng tôi nói ở trên. Muốn NN hoạt động có hiệu lực, hiệu quả thì ngoài việc NN có bộ máy hiệu quả, đội ngũ công chức, viên chức giỏi NN phải có hai hệ thống tư vấn mạnh. Đó

là hệ thống đánh giá chất lượng quốc gia và hệ thống sáng tạo quốc gia. Hệ thống đánh giá chất lượng quốc gia có trách nhiệm đánh giá công bằng, minh bạch tất cả các hoạt động chủ yếu của các chủ thể tham gia phát triển. Hệ thống này tuy do NN lập ra nhưng nên để nó hoạt động độc lập, có tiếng nói độc lập. Bên cạnh đó phải hình thành hệ thống sáng tạo quốc gia để có điều kiện tốt cho phát minh, sáng chế ra đời và phục vụ kịp thời cho yêu cầu sản xuất kinh doanh và quản lý đất nước. Đối với Việt Nam, ít nhất cũng nên có hai Viện quốc gia: Viện Công nghệ công nghiệp và Viện Công nghệ thông tin; đồng thời có những Trường đại học có năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ và có thể so sánh quốc tế. Theo kinh nghiệm của nhiều nước, Việt Nam muốn phát triển không thể không có hệ thống đánh giá chất lượng quốc gia và hệ thống sáng tạo quốc gia. NN phải đưa ra chiến lược phát triển kinh tế, chiến lược phát triển đội ngũ DN cho thời kỳ dài hạn, đường lối cải tiến CCKT thích ứng với các bước đi cụ thể, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng nhân lực chất lượng cao và hợp tác quốc tế hữu hiệu.

Nước ta phải có đội ngũ DN mạnh với cấu trúc vừa có những Tập đoàn kinh tế lớn vừa có những DN cỡ trung và DN cỡ nhỏ. Trong quá trình phát triển, thông thường tầng lớp trung lưu và giàu có phải nhiều nhưng cũng không thể để tồn tại tầng lớp lớn nghèo khó tràn lan. Trong khi quy mô nền kinh tế cũng như khả năng dự trữ quốc gia còn nhỏ, nhân lực có chất lượng chưa cao và nước ta chưa có những DN toàn cầu, chưa có kinh nghiệm đủ mức để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và mạng phân phối toàn cầu thì công cuộc phát triển kinh tế của nước ta không thể không tính tới sự có mặt của các Tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia trên thế giới làm ăn tại Việt Nam. Việc tạo sân chơi cho các Tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia vào làm ăn tại Việt Nam và chuẩn bị điều kiện để các DN Việt Nam cùng phát triển với họ rồi từ đó tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực để vươn lên thành những DN toàn cầu là cách làm hay mà nhiều quốc gia đã thực thi thành công. Việc xây dựng những DN toàn cầu của Việt Nam đã trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Việc đào tạo cho được đội ngũ doanh nhân có năng lực cũng là yêu cầu cấp bách.

Việc xây dựng và phát huy giá trị của hai chủ thể NN và DN cũng như lôi kéo các Tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia vào làm ăn tại Việt Nam phải được tiến hành đầu tiên đối với công cuộc cải tiến CCKT của nước ta. Việc cải tiến CCKT diễn ra trong một quá trình và theo một trật tự nhất định nhưng phải được lãnh đạo và tuân theo quy luật kinh tế thị trường cũng như yêu cầu về tính xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta mong muốn. Để đánh giá việc cải tiến CCKT phải lấy hiệu quả, hiệu suất, bền vững làm tiêu chí đánh giá hàng đầu. Trong quá trình cải tiến CCKT phải dự báo và cảnh báo được các khả năng rủi ro cũng như xem xét và điều chỉnh kịp thời chính sách cũng như các dự án đầu tư quốc gia trọng điểm.

(Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số tháng 01-2010)